

Số: 425 /TTr-UBND

Gia Lai, ngày 12 tháng 4 năm 2026

TỜ TRÌNH

**Dự thảo Nghị quyết của Hội đồng nhân dân tỉnh
quy định một số chính sách hỗ trợ phát triển khoa học và công nghệ
trên địa bàn tỉnh Gia Lai**

Kính gửi: Hội đồng nhân dân tỉnh

Thực hiện quy định của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật số 64/2025/QH15 ngày 19/02/2025; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật số 87/2025/QH15 ngày 25/6/2025; Ủy ban nhân dân tỉnh kính trình Hội đồng nhân dân tỉnh dự thảo Nghị quyết của Hội đồng nhân dân tỉnh quy định một số chính sách hỗ trợ phát triển khoa học và công nghệ trên địa bàn tỉnh Gia Lai, như sau:

I. SỰ CẦN THIẾT BAN HÀNH NGHỊ QUYẾT

1. Cơ sở chính trị, pháp lý

a) Cơ sở chính trị

Ngày 22/12/2024 Bộ Chính trị (khóa XIII) đã ban hành Nghị quyết số 57-NQ/TW về đột phá phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số quốc gia được kỳ vọng sẽ là kim chỉ nam, định hướng chiến lược để Việt Nam nắm bắt cơ hội, vượt qua thách thức và đạt được những bước tiến vượt bậc trong lĩnh vực này. Phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số là đột phá quan trọng hàng đầu, là động lực, nguồn lực chính để phát triển nhanh lực lượng sản xuất hiện đại, hoàn thiện quan hệ sản xuất, đổi mới phương thức quản trị, phát triển kinh tế - xã hội, phát triển nhanh, bền vững.

Trước bối cảnh đó, toàn hệ thống chính trị tỉnh Gia Lai thực hiện đồng bộ, quyết liệt các nhiệm vụ, giải pháp phát triển kinh tế - xã hội. Xác định phát triển ứng dụng khoa học và công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số là nội dung, nhiệm vụ trọng tâm, mang tính đột phá trong chương trình, kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội hằng năm, giai đoạn của các ngành, địa phương. Trong đó, cụ thể hóa và thực hiện đầy đủ các mục tiêu, nhiệm vụ và giải pháp tại Nghị quyết số 71/NQ-CP của Chính phủ, Nghị quyết số 57-NQ/TW của Bộ Chính trị về đột phá phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số quốc gia. Kế hoạch hành động số 22-KH/TU ngày 03/9/2025 của Tỉnh ủy theo hướng xác định rõ những nội dung, nhiệm vụ, giải pháp chủ yếu, lộ trình thời gian và biện pháp thực hiện cụ thể để cơ quan, đơn vị được giao nhiệm vụ chủ động trong thực hiện hiệu quả.

Sự chỉ đạo kịp thời của Lãnh đạo Tỉnh, các cơ quan, đơn vị, tổ chức kinh tế trên địa bàn Tỉnh đã tích cực tham gia cuộc Cách mạng công nghiệp lần thứ tư, đạt được nhiều kết quả quan trọng góp phần hoàn thành các mục tiêu phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh. Các hoạt động nghiên cứu khoa học, ứng dụng chuyển

giao công nghệ trong sản xuất, đã góp phần nâng cao năng suất chất lượng hàng hóa và dịch vụ. Các hoạt động đổi mới sáng tạo, phát triển tài sản trí tuệ tiếp tục được chú trọng triển khai và đem lại những kết quả tích cực. Đây là cơ sở hạt nhân cho việc định hướng chiến lược, hoạch định chính sách thúc đẩy, khuyến khích đầu tư đổi mới công nghệ, đổi mới sáng tạo và ươm mầm các ý tưởng sáng chế, sáng kiến đột phá tình.

b) Cơ sở pháp lý

Nghị quyết số 57-NQ/TW ngày 22/12/2024 của Bộ Chính trị về đột phá phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số quốc gia;

Nghị quyết số 68-NQ/TW ngày 4/5/2025 của Bộ Chính trị về phát triển kinh tế tư nhân;

Nghị quyết số 71/NQ-CP ngày 01/4/2025 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung cập nhật Chương trình hành động của Chính phủ thực hiện Nghị quyết số 57-NQ/TW ngày 22/12/2024 của Bộ Chính trị về đột phá phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số quốc gia;

Kế hoạch hành đồng số 22-KH/TU ngày 03/9/2025 của Tỉnh ủy Gia Lai thực hiện Nghị quyết số 57-NQ/TW ngày 22/12/2024 của Bộ Chính trị về đột phá phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số quốc gia trên địa bàn tỉnh Gia Lai;

Luật Tổ chức chính quyền địa phương số 72/2025/QH15;

Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật số 64/2025/QH15 được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 87/2025/QH15

Luật Khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo số 93/2025/QH15;

Luật Ngân sách Nhà nước số 89/2025/QH15;

Luật Sở hữu trí tuệ số 50/2005/QH11 được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 36/2009/QH12; Luật số 42/2019/QH14; Luật số 07/2022/QH15; Luật số 131/2025/QH15;

Luật Chuyển giao công nghệ số 07/2017/QH14 được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 115/2025/QH15;

Nghị định số 78/2025/NĐ-CP ngày 01/4/2025 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp để tổ chức, hướng dẫn thi hành Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 187/2025/NĐ-CP ngày 01/7/2025 của Chính phủ;

Nghị định số 37/2026/NĐ-CP của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp để tổ chức, hướng dẫn thi hành Luật Chất lượng sản phẩm, hàng hoá;

Nghị định số 101/2026/NĐ-CP của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Chuyển giao công nghệ;

Thông tư 75/2021/TT-BTC ngày 09/9/2021 quy định về quản lý tài chính thực hiện Chương trình phát triển tài sản trí tuệ đến năm 2030;

Kết luận số 110-KH/TU ngày 04/3/2026 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy (khoá I), nhiệm kỳ 2025 – 2030 tại Hội nghị lần thứ 11 và định hướng phát triển khoa

học công nghệ đổi mới sáng tạo của tỉnh.

2. Cơ sở thực tiễn

Căn cứ điểm a, khoản 6 Điều 4 Nghị định số 78/2025/NĐ-CP (được bổ sung tại điểm c khoản 2 Điều 1 Nghị định số 187/2025/NĐ-CP) quy định: “6. Việc ban hành văn bản hành chính để quyết định việc áp dụng hoặc bãi bỏ văn bản quy phạm pháp luật theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 54 của Luật được thực hiện như sau: a) Hội đồng nhân dân các cấp ban hành nghị quyết hành chính để quyết định việc áp dụng hoặc bãi bỏ văn bản quy phạm pháp luật của Hội đồng nhân dân của đơn vị hành chính được nhập. Ủy ban nhân dân tỉnh đã trình Hội đồng nhân dân tỉnh ban hành Nghị quyết số 63/NQ-HĐND ngày 27/10/2025 quyết định việc áp dụng và bãi bỏ một số Nghị quyết quy phạm pháp luật do Hội đồng nhân dân tỉnh Bình Định (trước sắp xếp) và Hội đồng nhân dân tỉnh Gia Lai (trước sắp xếp) ban hành thuộc lĩnh vực khoa học và công nghệ. Trong đó, tiếp tục áp dụng thực hiện Nghị quyết số 14/2020/NQ-HĐND ngày 17/7/2020 của Hội đồng nhân dân tỉnh quy định một số chính sách hỗ trợ phát triển khoa học và công nghệ trên địa bàn tỉnh và Nghị quyết số 33/2023/NQ-HĐND ngày 06/12/2023 của Hội đồng nhân dân tỉnh sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy định một số chính sách hỗ trợ phát triển khoa học và công nghệ trên địa bàn tỉnh Bình Định (cũ) ban hành kèm theo Nghị quyết số 14/2020/NQ-HĐND ngày 17/7/2020 của Hội đồng nhân dân tỉnh trên địa bàn tỉnh Gia Lai cho đến khi Hội đồng nhân dân tỉnh Gia Lai (sau sắp xếp).

Theo Điều 11, Nghị quyết số 190/2025/QH15 ngày 19/02/2025 của Quốc Hội quy định về xử lý một số vấn đề liên quan đến sắp xếp tổ chức bộ máy nhà nước, cụ thể: 1. Việc rà soát, xác định phương án xử lý các văn bản quy phạm pháp luật chịu sự tác động do sắp xếp tổ chức bộ máy nhà nước phải được thực hiện trong thời hạn 03 tháng kể từ ngày Nghị quyết này có hiệu lực thi hành. 2. Cơ quan, người có thẩm quyền phải ban hành văn bản quy phạm pháp luật theo thẩm quyền hoặc trình cấp có thẩm quyền ban hành văn bản quy phạm pháp luật theo trình tự, thủ tục rút gọn để xử lý các văn bản chịu sự tác động do sắp xếp tổ chức bộ máy nhà nước, bảo đảm hoàn thành trước ngày 01 tháng 3 năm 2027. 3. Không bắt buộc ban hành văn bản chỉ để xử lý nội dung về tên gọi của các cơ quan, chức danh có thẩm quyền bị thay đổi do sắp xếp tổ chức bộ máy nhà nước. Tại Công văn số 6243/BTP-KTVB&QLXLVPHC ngày 06/10/2025, Bộ Tư pháp đề nghị các địa phương hoàn thành việc sửa đổi, bổ sung, bãi bỏ, thay thế, ban hành mới các văn bản của địa phương chịu sự tác động của việc sắp xếp tổ chức bộ máy trước ngày 01/6/2026.

Kế hoạch hành động số 22-KH/TU ngày 03/9/2025 của Tỉnh ủy Gia Lai, đã xác định mục tiêu, nhiệm vụ, giải pháp trọng tâm phát triển khoa học, công nghệ đến hết năm 2030, như:

- Đóng góp của năng suất nhân tố tổng hợp (TFP) vào tăng trưởng kinh tế ở mức từ 45% trở lên;
- Có ≥ 60 doanh nghiệp khoa học và công nghệ trên địa bàn tỉnh;
- Mỗi năm có ≥ 10 đăng ký sở hữu trí tuệ (sáng chế, giải pháp hữu ích);
- Mỗi năm ≥ 60 bài báo khoa học có địa chỉ tác giả tại tỉnh (Scopus/ISI);
- Có $\geq 30\%$ doanh nghiệp có hoạt động đổi mới quy trình, mô hình kinh

doanh;

- Mỗi năm có ≥ 06 sáng chế, giải pháp hữu ích có địa chỉ tại tỉnh;

Từ các căn cứ pháp lý và cơ sở thực tiễn nêu trên, việc ban hành Nghị quyết của Hội đồng nhân dân tỉnh quy định một số chính sách hỗ trợ phát triển khoa học và công nghệ trên địa bàn tỉnh Gia Lai là cần thiết nhằm tạo cơ sở pháp lý cho việc hỗ trợ phát triển khoa học và công nghệ cho các tổ chức, cá nhân trên địa bàn tỉnh và phù hợp với chính sách lớn của Đảng và Nhà nước về khoa học và công nghệ. Đồng thời, để thay thế Nghị quyết số 14/2020/NQ-HĐND ngày 17/7/2020 và Nghị quyết số 33/2023/NQ-HĐND ngày 06/12/2023, nhằm bảo đảm phù hợp với tổ chức đơn vị hành chính, các nguyên tắc và các nhiệm vụ, quyền hạn của chính quyền địa phương 02 cấp.

II. MỤC ĐÍCH BAN HÀNH, QUAN ĐIỂM XÂY DỰNG DỰ THẢO NGHỊ QUYẾT

1. Mục đích ban hành Nghị quyết:

Nhằm hoàn thiện hệ thống pháp luật hiện hành, đảm bảo cơ sở pháp lý và tháo gỡ một số khó khăn vướng mắc trong quá trình thực thi trên địa bàn tỉnh Gia Lai nhằm: Khuyến khích, thu hút hỗ trợ đầu tư phát triển khoa học, công nghệ, tập trung vào khai thác thương mại sáng chế và tài sản trí tuệ doanh nghiệp; hỗ trợ, khuyến khích các tổ chức, cá nhân đẩy mạnh ứng dụng khoa học và công nghệ vào sản xuất, đời sống; xây dựng hệ sinh thái đổi mới sáng tạo dựa trên tài sản trí tuệ, thúc đẩy phát triển bền vững, chuyển đổi xanh và mở rộng thị trường quốc tế cho các sản phẩm địa phương. Đồng thời, thực hiện đầy đủ, phù hợp với các nhiệm vụ/chỉ tiêu của Nghị quyết số 57-NQ/TW ngày 22/12/2024 của Bộ Chính trị và Nghị quyết số 71/NQ-CP ngày 01/4/2025 của Chính phủ, Kế hoạch hành động số 22-KH/TU ngày 03/9/2025 của Tỉnh ủy.

2. Quan điểm xây dựng dự thảo Nghị quyết

Việc xây dựng dự thảo Nghị quyết dựa trên quan điểm bảo đảm tính hợp hiến, hợp pháp và tính thống nhất của văn bản quy phạm pháp luật; tuân thủ đúng thẩm quyền, hình thức, trình tự, thủ tục xây dựng, ban hành văn bản quy phạm pháp luật; bảo đảm minh bạch trong quy định của văn bản quy phạm pháp luật; bảo đảm tính khả thi, tiết kiệm, hiệu quả, kịp thời; bảo đảm công khai, dân chủ trong việc tiếp nhận, phản hồi ý kiến trong quá trình xây dựng, ban hành văn bản.

Cụ thể hóa Nghị quyết số 57-NQ/TW ngày 22/12/2024 của Bộ Chính trị; Nghị quyết số 68-NQ/TW ngày 4/5/2025 thông qua thực hiện các chính sách về phát triển khoa học và công nghệ, đảm bảo phù hợp với quy định pháp luật hiện hành, đặc biệt là quy định của Luật Ngân sách nhà nước, Luật Chính quyền địa phương và các văn bản hướng dẫn thi hành.

III. QUÁ TRÌNH XÂY DỰNG NGHỊ QUYẾT

Ủy ban nhân dân tỉnh giao Sở Khoa học và Công nghệ chủ trì, phối hợp với các đơn vị liên quan triển khai hoàn chỉnh hồ sơ, trình Ủy ban nhân dân tỉnh để trình Hội đồng nhân dân theo đúng thời gian quy định, Sở Khoa học và Công nghệ đã xây dựng các dự thảo, đăng tải thông tin và đề nghị các Sở, ban, ngành, đơn vị dự toán cấp tỉnh, Ủy ban nhân dân các xã/phường tham gia góp ý dự thảo nghị quyết. Cụ thể:

1. Ngày 27/3/2026, Ủy ban nhân dân tỉnh đã có Tờ trình số 296/TTr-UBND về việc đăng ký xây dựng Nghị quyết của Hội đồng nhân dân tỉnh quy định một số chính sách hỗ trợ phát triển khoa học và công nghệ trên địa bàn tỉnh Gia Lai.

2. Ngày 03/4/2026 Sở Khoa học và Công nghệ có Văn bản số 1137/SKHCN&SHTT về việc góp ý dự thảo Nghị quyết ban hành Quy định một số chính sách hỗ trợ phát triển khoa học và công nghệ trên địa bàn tỉnh Gia Lai gửi đến các Sở, ban, ngành, đơn vị dự toán cấp tỉnh, Ủy ban nhân dân các xã/phường tham gia góp ý dự thảo nghị quyết; đồng thời gửi Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh đăng tải toàn văn dự thảo Nghị quyết trên Cổng thông tin điện tử tỉnh Gia Lai để các cơ quan, tổ chức, cá nhân tham gia góp ý kiến.

Kết thúc thời gian lấy ý kiến, Sở Khoa học và Công nghệ đã nhận được 38 văn bản phản hồi, trong đó có 06 văn bản có ý kiến đề nghị bổ sung, chỉnh sửa; 32 văn bản có ý kiến thống nhất và không đề nghị điều chỉnh, bổ sung. Sở Khoa học và Công nghệ đã tổng hợp và tiếp thu, giải trình ý kiến góp ý của các cơ quan, đơn vị.

3. Sở Khoa học và Công nghệ đã tiếp thu ý kiến của các cơ quan, đơn vị, hoàn chỉnh Tờ trình của Ủy ban nhân dân tỉnh, dự thảo Nghị quyết của Hội đồng nhân dân tỉnh và gửi toàn bộ hồ sơ đề nghị Sở Tư pháp thẩm định. Sở Tư pháp có văn bản thẩm định dự thảo Nghị quyết (Công văn số 290/BC-STP ngày 11/4/2026).

4. Sau khi có văn bản thẩm định dự thảo Nghị quyết của Sở Tư pháp, tổ chức lấy ý kiến thành viên Ủy ban nhân dân tỉnh tại phiên họp thành viên Ủy ban nhân dân tỉnh ngày/2026 xem xét các nội dung trình trình kỳ họp thứ 2 năm 2026, Hội đồng nhân dân tỉnh Khóa XIII, nhiệm kỳ 2026-2030. Kết quả:% thành viên Ủy ban nhân dân tỉnh biểu quyết thông qua nội dung dự thảo Nghị quyết.

5. Xem xét, chỉnh lý, hoàn chỉnh dự thảo Nghị quyết.

IV. BỐ CỤC VÀ NỘI DUNG CƠ BẢN CỦA DỰ THẢO NGHỊ QUYẾT

1. Phạm vi điều chỉnh, đối tượng áp dụng

- **Phạm vi điều chỉnh:** Nghị quyết quy định một số chính sách hỗ trợ phát triển khoa học và công nghệ trên địa bàn tỉnh Gia Lai bao gồm: hỗ trợ chuyển giao công nghệ, ứng dụng và đổi mới công nghệ; hỗ trợ việc xây dựng và áp dụng hệ thống quản lý theo tiêu chuẩn tiên tiến, đạt các giải thưởng về chất lượng quốc gia và quốc tế; hỗ trợ xây dựng và xác lập quyền sở hữu công nghiệp; hỗ trợ thúc đẩy phát triển thị trường khoa học và công nghệ; hỗ trợ tác giả có bài báo đăng tạp chí quốc tế uy tín.

- **Đối tượng áp dụng:** Các doanh nghiệp, tổ chức, hợp tác xã, nhóm cá nhân và cá nhân có hoạt động sản xuất, kinh doanh trên địa bàn tỉnh Gia Lai và cơ quan quản lý nhà nước có liên quan.

2. Bố cục dự thảo Nghị quyết

a) Bố cục của dự thảo văn bản gồm 3 điều: Điều 1. Ban hành Quy định kèm theo Nghị quyết; Điều 2. Tổ chức thực hiện; Điều 3. Hiệu lực thi hành.

b) Bố cục Quy định được kèm theo Nghị quyết gồm 3 Chương, 12 Điều.

- Chương I. Quy định chung (03 Điều);

- Chương II. Chính sách hỗ trợ phát triển khoa học và công nghệ (07 Điều);

- Chương III. Tổ chức thực hiện (02 Điều).

3. Nội dung cơ bản của dự thảo Nghị quyết

- Quy định nguyên tắc thực hiện chính sách và kinh phí thực hiện chính sách;
- Hỗ trợ chuyển giao công nghệ, ứng dụng và đổi mới công nghệ;
- Hỗ trợ việc xây dựng, áp dụng thành công các hệ thống quản lý tiên tiến;
- Hỗ trợ doanh nghiệp đạt Bạc Giải thưởng Chất lượng Quốc gia, Giải Vàng Chất lượng Quốc gia, Giải thưởng Chất lượng quốc tế Châu Á - Thái Bình Dương;
- Hỗ trợ xây dựng và xác lập quyền sở hữu công nghiệp;
- Hỗ trợ thúc đẩy phát triển thị trường khoa học và công nghệ;
- Hỗ trợ hoạt động xúc tiến thị trường khoa học và công nghệ;
- Hỗ trợ tác giả có bài báo đăng tạp chí quốc tế uy tín (nằm trong danh mục Web of science hoặc Scopus).

V. DỰ KIẾN NGUỒN LỰC, ĐIỀU KIỆN BẢO ĐẢM CHO VIỆC THI HÀNH NGHỊ QUYẾT VÀ THỜI GIAN TRÌNH THÔNG QUA

1. Dự kiến nguồn lực: Kinh phí thực hiện chính sách được bố trí từ ngân sách sự nghiệp khoa học và công nghệ của tỉnh; các nguồn hợp pháp khác theo quy định của pháp luật. Hằng năm, căn cứ khả năng cân đối ngân sách, Ủy ban nhân dân tỉnh trình Hội đồng nhân dân tỉnh xem xét bố trí kinh phí thực hiện.

2. Điều kiện đảm bảo cho việc thi hành Nghị quyết

- Ủy ban nhân dân tỉnh triển khai thực hiện Nghị quyết;
- Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh, các Ban của Hội đồng nhân dân tỉnh và đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh giám sát việc triển khai, thực hiện Nghị quyết.

3. Thời gian dự kiến trình Hội đồng nhân dân tỉnh: tại Kỳ họp thứ 2 (chuyên đề), HĐND tỉnh khóa XIII nhiệm kỳ 2026-2031.

Trên đây là Tờ trình về dự thảo Nghị quyết Hội đồng nhân dân tỉnh quy định một số chính sách hỗ trợ phát triển khoa học và công nghệ trên địa bàn tỉnh Gia Lai, Ủy ban nhân dân tỉnh kính trình Hội đồng nhân dân tỉnh xem xét, quyết định./.

Xin gửi kèm theo: Dự thảo Nghị quyết; Báo cáo thẩm định của Sở Tư pháp; bản tổng hợp ý kiến tham gia và giải trình tiếp thu ý kiến tham gia; các tài liệu khác có liên quan).

Nơi nhận:

- Như kính gửi;
- Chủ tịch UBND tỉnh;
- Các PCT UBND tỉnh;
- Các đại biểu HĐND tỉnh;
- Ban KTNS, HĐND tỉnh;
- VP Đoàn ĐBQH&HĐND tỉnh;
- Các Sở: KH&CN, Tài chính, Tư pháp;
- CVP, PVPVX;
- Lưu: VT, C5, V3.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH



Lâm Hải Giang

Số: /2026/NQ-HĐND

Gia Lai, ngày 24 tháng 4 năm 2026

NGHỊ QUYẾT
**Ban hành Quy định một số chính sách hỗ trợ
phát triển khoa học và công nghệ trên địa bàn tỉnh Gia Lai**

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương số 72/2025/QH15;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật số 64/2025/QH15 được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 87/2025/QH15;

Căn cứ Luật Sở hữu trí tuệ số 50/2005/QH11 được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 36/2009/QH12; Luật số 42/2019/QH14; Luật số 07/2022/QH15; Luật số 131/2025/QH15;

Căn cứ Luật Chất lượng sản phẩm, hàng hóa số 05/2007/QH12 được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 78/2025/QH15;

Căn cứ Luật Hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa số 04/2017/QH14;

Căn cứ Luật Chuyển giao công nghệ số 07/2017/QH14 được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 115/2025/QH15;

Căn cứ Luật Ngân sách Nhà nước số 89/2025/QH15;

Căn cứ Luật Khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo số 93/2025/QH15;

Căn cứ Nghị quyết số 193/2025/QH15 của Quốc hội về thí điểm một số cơ chế, chính sách đặc biệt tạo đột phá phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số quốc gia;

Căn cứ Nghị định số 88/2025/NĐ-CP của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn một số điều của Nghị quyết số 193/2025/QH15 của Quốc hội về thí điểm một số cơ chế, chính sách đặc biệt tạo đột phá phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số quốc gia;

Căn cứ Nghị quyết số 198/2025/QH15 của Quốc hội về một số cơ chế, chính sách đặc biệt phát triển kinh tế tư nhân;

Căn cứ Nghị định số 265/2025/NĐ-CP của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Khoa học, Công nghệ và Đổi mới sáng tạo về tài chính và đầu tư trong khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo;

Căn cứ Nghị định số 37/2026/NĐ-CP của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp để tổ chức, hướng dẫn thi hành Luật Chất lượng sản phẩm, hàng hoá;

Căn cứ Nghị định số 101/2026/NĐ-CP của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Chuyển giao công nghệ;

Căn cứ Thông tư số 75/2021/TT-BTC của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định về quản lý tài chính thực hiện chương trình phát triển tài sản trí tuệ đến năm 2030;

Xét Tờ trình số 425/TTr-UBND ngày 12 tháng 4 năm 2026 của Ủy ban nhân dân tỉnh dự thảo nghị quyết của Hội đồng nhân dân tỉnh quy định một số chính sách hỗ trợ phát triển khoa học và công nghệ trên địa bàn tỉnh Gia Lai; Báo cáo thẩm tra số 53/BC-KTNS ngày 21 tháng 4 năm 2026 của Ban Kinh tế - Ngân sách Hội đồng nhân dân tỉnh; Ý kiến thảo luận của các đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh tại kỳ họp;

Hội đồng nhân dân ban hành Nghị quyết ban hành Quy định một số chính sách hỗ trợ phát triển khoa học và công nghệ trên địa bàn tỉnh Gia Lai.

Điều 1. Ban hành kèm theo Nghị quyết này Quy định một số chính sách hỗ trợ phát triển khoa học và công nghệ trên địa bàn tỉnh Gia Lai.

Điều 2. Điều khoản thi hành

1. Nghị quyết này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 24 tháng 4 năm 2026.
2. Ủy ban nhân dân tỉnh tổ chức triển khai thực hiện Nghị quyết này.
3. Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh, các Ban Hội đồng nhân dân tỉnh, Tổ đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh và đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh trong phạm vi nhiệm vụ, quyền hạn của mình giám sát việc thực hiện Nghị quyết này.
4. Trường hợp các văn bản viện dẫn tại Quy định này được sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế bằng văn bản của cấp có thẩm quyền thì áp dụng theo các văn bản sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế.
5. Các nghị quyết sau đây hết hiệu lực kể từ ngày Nghị quyết này có hiệu lực thi hành:
 - a) Nghị quyết số 14/2020/NQ-HĐND ngày 17 tháng 7 năm 2020 của Hội đồng nhân dân tỉnh Bình Định (trước sắp xếp) quy định một số chính sách hỗ trợ phát triển khoa học và công nghệ trên địa bàn tỉnh.
 - b) Nghị quyết số 33/2023/NQ-HĐND ngày 06 tháng 12 năm 2023 của Hội đồng nhân dân tỉnh Bình Định (trước sắp xếp) sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy định một số chính sách hỗ trợ phát triển khoa học và công nghệ trên địa bàn tỉnh Bình Định ban hành kèm theo Nghị quyết số 14/2020/NQ-HĐND ngày 17 tháng 7 năm 2020 của Hội đồng nhân dân tỉnh.
 - c) Nghị quyết số 63/NQ-HĐND ngày 27 tháng 10 năm 2025 của Hội đồng nhân dân tỉnh Gia Lai quyết định việc áp dụng và bãi bỏ một số Nghị quyết quy phạm pháp luật do Hội đồng nhân dân tỉnh Bình Định (trước sắp xếp) và Hội đồng nhân dân tỉnh Gia Lai (trước sắp xếp).

Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân tỉnh Gia Lai khóa XIII, Kỳ họp thứ 2 (chuyên đề) thông qua ngày 24 tháng 4 năm 2026.

Nơi nhận:

- Như Điều 2;
- Ủy ban Thường vụ Quốc hội;
- Chính phủ;
- Bộ Khoa học và Công nghệ;
- Bộ Tài chính;
- Cục Kiểm tra văn bản và Quản lý xử lý vi phạm hành chính - Bộ Tư pháp;
- Ban Thường vụ Tỉnh ủy;
- Ban Thường vụ Đảng ủy các cơ quan Đảng tỉnh;
- Thường trực HĐND tỉnh;
- Đoàn đại biểu Quốc hội tỉnh;
- UBND tỉnh;
- Ủy ban MTTQ Việt Nam tỉnh;
- Các cơ quan, tham mưu giúp việc Tỉnh ủy;
- Các Ban HĐND tỉnh, đại biểu HĐND tỉnh;
- Các VP: Tỉnh ủy, Đoàn ĐBQH và HĐND tỉnh, UBND tỉnh;
- Các sở, ban, ngành, đoàn thể cấp tỉnh;
- TTHĐND, UBND, UBMTTQVN các xã, phường;
- Trung tâm phục vụ hành chính công tỉnh (đăng tải trên công báo điện tử);
- Báo và Phát thanh truyền hình Gia Lai;
- Trang thông tin điện tử Đoàn ĐBQH và HĐND tỉnh;
- Lưu: VT(01), CTHĐ (4).

CHỦ TỊCH

Rah Lan Chung

QUY ĐỊNH

Một số chính sách hỗ trợ phát triển khoa học và công nghệ trên địa bàn tỉnh Gia Lai

(Ban hành kèm theo Nghị quyết số/2026/NQ-HĐND)

Chương I

QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng

1. Phạm vi điều chỉnh

Nghị quyết quy định một số chính sách hỗ trợ phát triển khoa học và công nghệ trên địa bàn tỉnh Gia Lai, bao gồm: Hỗ trợ đổi mới công nghệ, chuyển giao công nghệ trong doanh nghiệp; hỗ trợ việc xây dựng và áp dụng hệ thống quản lý theo tiêu chuẩn tiên tiến; hỗ trợ doanh nghiệp đạt Giải thưởng chất lượng Quốc gia, Giải thưởng Chất lượng Quốc tế Châu Á - Thái Bình Dương; hỗ trợ xây dựng và xác lập quyền sở hữu công nghiệp; hỗ trợ thúc đẩy phát triển doanh nghiệp khoa học và công nghệ, doanh nghiệp công nghệ cao; hỗ trợ hoạt động xúc tiến thị trường khoa học và công nghệ; hỗ trợ tác giả có bài báo đăng tạp chí quốc tế uy tín.

2. Đối tượng áp dụng

a. Các doanh nghiệp, tổ chức khoa học và công nghệ, tổ chức trung gian của thị trường khoa học và công nghệ, tổ chức thúc đẩy kinh doanh, cơ sở ươm tạo, hợp tác xã, nhóm cá nhân và cá nhân trên địa bàn tỉnh thực hiện các hoạt động thuộc phạm vi lĩnh vực được quy định tại khoản 1 Điều này.

b. Cơ quan quản lý nhà nước, đơn vị sự nghiệp công lập của tỉnh, các tổ chức và cá nhân có liên quan khác trong việc tổ chức, triển khai thực hiện Nghị quyết này.

Điều 2. Nguyên tắc hỗ trợ

1. Việc hỗ trợ đảm bảo đúng đối tượng, công khai, minh bạch, bình đẳng.

2. Các chính sách hỗ trợ chỉ áp dụng một lần trong một năm cho cùng một đối tượng và nội dung hỗ trợ tại quy định này.

3. Đối với mỗi nội dung hỗ trợ, tổ chức, cá nhân được lựa chọn một nội dung hỗ trợ từ nguồn kinh phí nhà nước. Trường hợp tổ chức, cá nhân đồng thời đáp ứng điều kiện của các mức hỗ trợ khác nhau trong cùng một nội dung hỗ trợ theo quy định của Nghị quyết này và quy định khác của pháp luật có liên quan thì được lựa chọn một mức hỗ trợ có lợi nhất.

4. Các đối tượng được hỗ trợ theo Nghị quyết này, chỉ thực hiện hỗ trợ sau khi nhiệm vụ, hoạt động được hoàn thành và được nghiệm thu, thanh lý hợp đồng hoặc có sản phẩm cụ thể được cơ quan có thẩm quyền chứng nhận/xác

nhận; đồng thời bảo đảm không trùng lặp với các chính sách hỗ trợ khác từ ngân sách nhà nước.

5. Đối tượng được hưởng hỗ trợ kinh phí theo Nghị quyết này nếu vi phạm nguyên tắc, điều kiện hỗ trợ thì phải hoàn trả kinh phí đã được hỗ trợ về ngân sách nhà nước theo quy định của pháp luật.

6. Nghị quyết không áp dụng đối với tổ chức và doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài và các hoạt động khoa học và công nghệ có sử dụng hoặc đã được hỗ trợ kinh phí từ nguồn ngân sách nhà nước.

Điều 3. Kinh phí thực hiện

Kinh phí thực hiện chính sách được bố trí từ ngân sách sự nghiệp khoa học và công nghệ của tỉnh; các nguồn hợp pháp khác theo quy định của pháp luật. Hằng năm, căn cứ khả năng cân đối ngân sách, Ủy ban nhân dân tỉnh trình Hội đồng nhân dân tỉnh xem xét bố trí kinh phí thực hiện.

Chương II

CHÍNH SÁCH HỖ TRỢ PHÁT TRIỂN KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ

Điều 4. Hỗ trợ, khuyến khích đổi mới công nghệ, chuyển giao công nghệ trong doanh nghiệp

1. Đối tượng hỗ trợ: Doanh nghiệp được thành lập, hoạt động theo Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14, có trụ sở chính và thực hiện dự án đầu tư trên địa bàn tỉnh.

2. Điều kiện hỗ trợ: Doanh nghiệp thực hiện dự án đầu tư và có hoạt động chuyển giao công nghệ, đổi mới công nghệ theo Luật Chuyển giao công nghệ.

3. Hình thức hỗ trợ: Hỗ trợ kinh phí trực tiếp thực hiện cho các hoạt động liên quan đến chuyển giao công nghệ sau khi hợp đồng được thanh lý hợp đồng.

4. Nội dung và mức hỗ trợ

a. Doanh nghiệp được hỗ trợ thuê chuyên gia tư vấn phục vụ đánh giá, hiệu chỉnh và làm chủ công nghệ, dây chuyền sản xuất, quy trình kỹ thuật trên cơ sở nhu cầu của doanh nghiệp; đào tạo, bồi dưỡng nâng cao năng lực hấp thụ, làm chủ công nghệ cho doanh nghiệp. Mức hỗ trợ đến 30% giá trị Hợp đồng, nhưng tối đa không quá 300.000.000 đồng và không quá một hợp đồng/doanh nghiệp/năm.

b. Doanh nghiệp hợp tác với cơ quan, tổ chức, cá nhân để triển khai dự án đầu tư đổi mới công nghệ (hợp tác phát triển công nghệ, hoàn thiện công nghệ để hình thành sản phẩm mẫu, tổ chức thử nghiệm, trình diễn, kiểm nghiệm công nghệ; hợp tác chuyển giao công nghệ, thương mại hóa kết quả nghiên cứu khoa học, phát triển công nghệ và đổi mới sáng tạo) được xem xét hỗ trợ theo quy định tại điểm a khoản này đối với dự án đầu tư đổi mới công nghệ có hợp đồng chuyển giao công nghệ hoặc Giấy chứng nhận đăng ký chuyển giao công nghệ (nếu thuộc đối tượng phải đăng ký chuyển giao công nghệ) và thuộc Danh mục công nghệ khuyến khích chuyển giao theo quy định của Chính phủ.

c. Đối với hợp đồng chuyển giao công nghệ

- Đối với hợp đồng chuyển giao công nghệ có giá trị dưới 1.000.000.000 đồng: Hỗ trợ 30% giá trị hợp đồng, tối đa 300.000.000 đồng/hợp đồng/doanh nghiệp/năm.

- Đối với hợp đồng chuyển giao công nghệ có giá trị từ 1.000.000.000 đồng trở lên: Hỗ trợ 25% giá trị hợp đồng, tối đa 500.000.000 đồng/hợp đồng/doanh nghiệp/năm.

Điều 5. Hỗ trợ việc xây dựng, áp dụng thành công các hệ thống quản lý tiên tiến

1. Đối tượng hỗ trợ: Doanh nghiệp, hợp tác xã, cơ sở sản xuất/kinh doanh, cá nhân có trụ sở chính và hoạt động trên địa bàn tỉnh.

2. Điều kiện hỗ trợ: Các tổ chức, cá nhân thực hiện xây dựng, áp dụng thành công các hệ thống quản lý tiên tiến; thiết lập và áp dụng Hệ thống truy xuất nguồn gốc cho sản phẩm, hàng hoá.

3. Hình thức hỗ trợ: Hỗ trợ kinh phí trực tiếp cho các tổ chức, cá nhân sau khi thanh lý hợp đồng và đã được cấp giấy chứng nhận phù hợp.

4. Nội dung và mức hỗ trợ

a. Hệ thống quản lý chất lượng (TCVN ISO 9001 hoặc ISO 9001): Mức hỗ trợ 25.000.000 đồng/Giấy chứng nhận.

b. Hệ thống quản lý an toàn thực phẩm (TCVN ISO 22000, ISO 22000, HACCP, IFS, BRC, FSSC 22000): Mức hỗ trợ 25.000.000 đồng/Giấy chứng nhận.

c. Hệ thống quản lý phòng thí nghiệm (TCVN ISO/IEC 17025 hoặc ISO/IEC17025): Mức hỗ trợ 25.000.000 đồng/Giấy chứng nhận.

d. Hệ thống quản lý về môi trường (TCVN ISO 14001 hoặc ISO 14001): Mức hỗ trợ 40.000.000 đồng/Giấy chứng nhận.

e. Hệ thống quản lý năng lượng (TCVN ISO 50001 hoặc ISO 50001): Mức hỗ trợ 40.000.000 đồng/Giấy chứng nhận.

g. Hệ thống quản lý đổi mới (TCVN ISO 56001 hoặc ISO 56001): Mức hỗ trợ 100.000.000 đồng/Giấy chứng nhận.

h. Hệ thống tiêu chuẩn quốc gia về Halal (TCVN 13708:2023; TCVN 13709:2023; TCVN 13710:2023): Mức hỗ trợ 50.000.000 đồng/Giấy chứng nhận.

i. Hỗ trợ tối đa 50% giá trị hợp đồng tư vấn thiết lập và áp dụng Hệ thống truy xuất nguồn gốc cho sản phẩm, hàng hoá theo quy định hiện hành (yêu cầu phải được kết nối và chia sẻ dữ liệu với Cổng thông tin truy xuất nguồn gốc sản phẩm, hàng hoá quốc gia) đối với các sản phẩm đạt chứng nhận OCOP 3 sao trở lên được cấp có thẩm quyền công nhận (còn hiệu lực) nhưng không quá 50.000.000 đồng/hợp đồng/đơn vị, cá nhân/năm.

k. Hỗ trợ tối đa 50% giá trị hợp đồng tư vấn thiết lập và áp dụng Hệ thống truy xuất nguồn gốc cho sản phẩm, hàng hoá theo quy định hiện hành (yêu cầu phải được kết nối và chia sẻ dữ liệu với Cổng thông tin truy xuất nguồn gốc sản phẩm, hàng hoá quốc gia) đối với các sản phẩm, hàng hoá không phải làm sản phẩm OCOP nhưng không quá 40.000.000 đồng/hợp đồng/đơn vị, cá nhân/năm.

Điều 6. Hỗ trợ doanh nghiệp đạt Giải thưởng chất lượng Quốc gia, Giải thưởng Chất lượng Quốc tế Châu Á - Thái Bình Dương

1. Đối tượng hỗ trợ

Doanh nghiệp đạt Giải thưởng chất lượng Quốc gia theo quy tại Nghị định số 37/2026/NĐ-CP quy định chi tiết một số điều và biện pháp để tổ chức, hướng dẫn thi hành Luật Chất lượng sản phẩm, hàng hóa và doanh nghiệp đạt Giải thưởng Chất lượng Quốc tế Châu Á - Thái Bình Dương.

2. Điều kiện hỗ trợ

Doanh nghiệp đạt Giải Bạc chất lượng Quốc gia, Giải Vàng chất lượng Quốc gia do Thủ tướng Chính phủ quyết định; Giải thưởng Chất lượng quốc tế Châu Á - Thái Bình Dương do Tổ chức Chất lượng Châu Á- Thái Bình Dương chứng nhận.

3. Hình thức hỗ trợ: Hỗ trợ kinh phí trực tiếp cho doanh nghiệp sau khi đạt giải.

4. Nội dung và mức hỗ trợ

- a. Đạt Giải Bạc chất lượng quốc gia: 30.000.000 đồng/Giải thưởng.
- b. Đạt Giải Vàng Chất lượng quốc gia: 50.000.000 đồng/Giải thưởng.
- c. Đạt Giải thưởng Chất lượng quốc tế Châu Á - Thái Bình Dương: 80.000.000 đồng/Giải thưởng.

Điều 7. Hỗ trợ xây dựng và xác lập quyền sở hữu công nghiệp

1. Đối tượng hỗ trợ: Các tổ chức, cá nhân hoạt động sản xuất/kinh doanh có trụ sở chính trên địa bàn tỉnh.

2. Điều kiện hỗ trợ

a. Đối với đăng ký bảo hộ trong nước: Các tổ chức, cá nhân thực hiện thủ tục xác lập quyền sở hữu công nghiệp cho các sản phẩm, dịch vụ và được cơ quan có thẩm quyền cấp giấy chứng nhận theo quy định của pháp luật.

b. Đối với đăng ký bảo hộ ở nước ngoài: Các tổ chức, cá nhân thực hiện thủ tục xác lập quyền sở hữu công nghiệp ở nước ngoài, đơn đăng ký phải có quyết định chấp nhận hợp lệ hoặc các văn bản tương ứng theo quy định của tổ chức quốc tế hoặc quốc gia nộp đơn.

3. Hình thức hỗ trợ: Hỗ trợ kinh phí trực tiếp cho các tổ chức, cá nhân.

4. Nội dung và mức hỗ trợ

- a. Đối với đăng ký bảo hộ trong nước.
 - Đối với sáng chế, giải pháp hữu ích, thiết kế bố trí mạch tích hợp bán dẫn: 30.000.000 đồng/Bằng độc quyền.
 - Đối với kiểu dáng công nghiệp: 15.000.000 đồng/Bằng độc quyền.
 - Đối với nhãn hiệu thông thường: 10.000.000 đồng/Giấy chứng nhận.
- b. Đối với đăng ký bảo hộ ở nước ngoài cho các đối tượng quy định tại điểm a khoản 4 Điều này.

- Đối với sáng chế, giải pháp hữu ích, thiết kế bố trí mạch tích hợp bán dẫn: 40.000.000 đồng/đơn được chấp nhận hợp lệ, các văn bản tương ứng theo quy định của tổ chức quốc tế hoặc quốc gia nộp đơn.

- Đối với kiểu dáng công nghiệp, nhãn hiệu: 25.000.000 đồng/đơn được chấp nhận hợp lệ, các văn bản tương ứng theo quy định của tổ chức quốc tế hoặc quốc gia nộp đơn, nhưng không quá 02 lần/năm/đơn vị.

- Hỗ trợ tối đa không quá 20.000.000 đồng/hợp đồng/đơn vị tư vấn tra cứu thông tin về tính mới, trình độ sáng tạo để hỗ trợ cho đăng ký bảo hộ sáng chế, giải pháp hữu ích đối với các giải pháp đạt giải thưởng tại các cuộc thi sáng tạo khoa học kỹ thuật trên địa bàn tỉnh.

Điều 8. Hỗ trợ thúc đẩy phát triển doanh nghiệp khoa học và công nghệ, doanh nghiệp công nghệ cao

1. Đối tượng hỗ trợ: Doanh nghiệp khoa học và công nghệ, doanh nghiệp công nghệ cao được thành lập, chứng nhận theo quy định của pháp luật.

2. Điều kiện hỗ trợ: Tổ chức, doanh nghiệp có trụ sở chính trên địa bàn tỉnh Gia Lai, được chứng nhận lần đầu là doanh nghiệp khoa học và công nghệ, doanh nghiệp công nghệ cao.

3. Hình thức hỗ trợ: Hỗ trợ trực tiếp cho tổ chức, doanh nghiệp sau khi được cấp Giấy chứng nhận.

4. Nội dung và mức hỗ trợ: Doanh nghiệp được chứng nhận doanh nghiệp khoa học và công nghệ, doanh nghiệp công nghệ cao được hỗ trợ 100.000.000 đồng/doanh nghiệp/chứng nhận.

Điều 9. Hỗ trợ hoạt động xúc tiến thị trường khoa học và công nghệ

1. Đối tượng hỗ trợ: Doanh nghiệp, tổ chức, cá nhân có trụ sở chính và hoạt động trên địa bàn tỉnh.

2. Điều kiện hỗ trợ

Tổ chức, cá nhân có sản phẩm được tạo ra từ kết quả nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ, đổi mới sáng tạo đã được đánh giá, nghiệm thu xếp loại mức đạt trở lên hoặc sản phẩm mới được tạo ra trên cơ sở kết quả của hoạt động chuyển giao công nghệ, đổi mới công nghệ để tham gia các hoạt động xúc tiến thị trường khoa học và công nghệ ở trong nước (thông qua các sự kiện như: Chợ công nghệ và thiết bị (Techmart); diễn đàn cung-cầu công nghệ (TechDemo); sự kiện về công nghệ, thiết bị do Bộ Khoa học và Công nghệ, Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương tổ chức hoặc ở nước ngoài (trình diễn, giới thiệu, tham gia chợ, hội chợ công nghệ...) theo văn bản giới thiệu của cơ quan nhà nước có thẩm quyền.

3. Hình thức hỗ trợ: Hỗ trợ kinh phí trực tiếp cho doanh nghiệp, tổ chức, cá nhân sau khi tham gia.

4. Nội dung và mức hỗ trợ

a. Hỗ trợ tham gia xúc tiến thị trường khoa học và công nghệ ở trong nước: 30.000.000 đồng/đơn vị, cá nhân/sự kiện/năm.

b. Hỗ trợ tham gia xúc tiến thị trường khoa học và công nghệ ở nước ngoài: 60.000.000 đồng/đơn vị, cá nhân/sự kiện/năm.

Điều 10. Hỗ trợ tác giả có bài báo đăng tạp chí quốc tế uy tín (nằm trong danh mục Web of science, Scopus)

1. Đối tượng hỗ trợ: Tác giả hoặc đồng tác giả của bài báo đang công tác tại các đơn vị trên địa bàn tỉnh.

2. Điều kiện hỗ trợ

a. Bài báo được đăng trên tạp chí khoa học thuộc danh mục cơ sở dữ liệu của Web of science hoặc Scopus và được Scimago/Clarivate xếp hạng Q1 hoặc Q2.

b. Các bài báo không được hỗ trợ từ chính sách này, bao gồm: Bài báo là kết quả của các nhiệm vụ khoa học công nghệ sử dụng ngân sách nhà nước hoặc bài báo đã được hỗ trợ từ nguồn ngân sách nhà nước thuộc các quy định khác.

c. Bài báo quốc tế được hỗ trợ phải là kết quả nghiên cứu tự thân của tác giả hoặc nhóm tác giả, không thuộc nội dung của các nhiệm vụ khoa học và công nghệ (đề tài, dự án, chương trình) đã hoặc đang được ngân sách nhà nước cấp kinh phí thực hiện dưới bất kỳ hình thức nào. Tác giả hoặc đồng tác giả phải cam kết chưa nhận bất kỳ khoản hỗ trợ nào từ các nguồn ngân sách nhà nước khác cho cùng một nội dung bài báo đã công bố.

3. Hình thức hỗ trợ: Hỗ trợ kinh phí trực tiếp cho Tác giả hoặc đồng tác giả bài báo được đăng tải.

4. Nội dung và mức hỗ trợ

a. Hỗ trợ 30.000.000 đồng cho 01 bài báo thuộc danh mục Web of science hoặc Scopus và được Scimago/Clarivate xếp hạng Q1.

b. Hỗ trợ 20.000.000 đồng cho 01 bài báo thuộc danh mục Web of science hoặc Scopus và được Scimago/Clarivate xếp hạng Q2.

Chương III

TỔ CHỨC THỰC HIỆN

Điều 11. Quy định chuyển tiếp

Đối với các hồ sơ hỗ trợ đã được phê duyệt trước thời điểm quy định này có hiệu lực thi hành, thì tiếp tục thực hiện theo quy định hiện hành tại thời điểm phê duyệt.
